

Số: 153/2019/QĐST – HNGĐ

K, ngày 30 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 158/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1981. HKTT và nơi cư trú: thôn Q, xã X, huyện K, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Chị Dương Vân N, sinh năm 1985. HKTT: Thôn Q, xã X, huyện K, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: số 25 D, phường M 1, quận J, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Dương Vân N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung vợ chồng: Anh Nguyễn Văn B và chị Dương Vân N có 02 con chung là cháu Nguyễn E, sinh ngày 25/6/2005 và cháu Nguyễn Văn Thành G, sinh ngày 18/10/2008. Khi ly hôn, chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu E và cháu Thành G, anh B cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/

01 tháng/ 01 cháu cho đến khi từng cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Nguyễn Văn B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2 *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Anh Nguyễn Văn B và chị Dương Vân N không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn B tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu 150.000 tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh B đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo B lai số AA/2010/0005229 ngày 20/5/2020 nay chuyển thành án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã X;
- (số ĐKKH 93/2004 ngày 15/12/2004)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thiên Hương**